

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27 – 02 – 2024

*Về việc Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên Tòa:
Ông Lê Thanh Đẹp – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2024, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Mỹ Nh, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số nhà 134A đường H, khóm H, Phường H, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

*** Bị đơn:** Anh Dương B, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp Tr, xã V, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Hiện đang bị giam tại Phân trại số 2, Trại cải tạo B, Phường B, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

(Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2023 cũng như tại đơn xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ Nh trình bày:

Chị Nguyễn Thị Mỹ Nh và anh Dương B kết hôn, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân Phường H, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/7/2009. Trong thời gian kết hôn, vợ chồng có 02 con chung là cháu Dương Quỳnh A (nữ) sinh ngày 29/10/2009 và Dương Mẫn Ngh (nữ) sinh ngày 07/7/2016. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường mâu thuẫn do không hợp tính tình. Hiện nay, anh B đang bị giam vì tội Cưỡng dâm nên chị Nh không chấp nhận được, chị Nh đã cố nhẫn nhịn vì thương con cho đến nay, nhưng hiện nay tình cảm không còn.

Nay chị Nh yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ Nh yêu cầu được ly hôn với anh Dương B.
- Về con chung: Chị Nh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ do chị Nh giao nộp là bản chính Giấy chứng nhận kết hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ Nh và anh Dương B ; bản sao căn cước công dân của chị Nguyễn Thị Mỹ Nh ; bản sao Giấy khai sinh và bản sao giấy xác nhận khuyết tật của cháu Dương Quỳnh A ; bản sao Giấy khai sinh của cháu Dương Mẫn Ngh .

Đối với bị đơn anh Dương B đang chấp hành án tại Phân trại 2, Trại cải tạo B , Phường B, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/01/2024, anh B trình bày: Anh B thống nhất với đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ Nh về việc chị Nh và anh B kết hôn, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân Phường H, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/7/2009. Trong thời gian kết hôn, vợ chồng có 02 con chung là cháu Dương Quỳnh A (nữ) sinh ngày 29/10/2009 và Dương Mẫn Ngh (nữ) sinh ngày 07/7/2016; tài sản chung và nợ chung không có. Hiện nay, anh B đang chấp hành án tại Phân trại 2, Trại cải tạo B , Phường B, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, nên chị Nh yêu cầu ly hôn, anh B đồng ý ly hôn với chị Nh . Về con chung, cháu Dương

Quỳnh A bị khuyết tật còn cháu Dương Mẫn Ngh có nguyện vọng muốn sống với mẹ nên anh B đồng ý giao hai con chung cho chị Nh tiếp tục nuôi dưỡng, anh B không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, do anh B đang bị giam tại Phân trại 2, Trại cải tạo B, Phường B, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh; nên anh B xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Nh và anh B theo quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nh được ly hôn với anh Dương B, giao cho chị Nh được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con; không xem xét, giải quyết về tài sản và nợ chung do không có yêu cầu; chị Nh phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Mỹ Nh khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh Dương B và yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Yêu cầu của chị Nh được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Tại yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn và bị đơn có trình bày rõ các yêu cầu, nguyện vọng của mình và Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao căn cước công dân, Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh của cháu Dương Quỳnh A và cháu Dương Mẫn Ngh, lời trình bày và thừa nhận của hai bên đương sự; đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ

luật Tổ tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị Nh và anh B về việc kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường H, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/7/2009 và vợ chồng đã có 02 con chung là sự thật. Vì vậy, giữa chị Nh và anh B đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay, anh B đang chấp hành hình phạt tù tại Phân trại 2, Trại cải tạo B, Phường 2, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Nên hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, người nào chỉ biết bốn phận của người đó, không cùng nhau thực hiện các công việc gia đình; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Như vậy, chị Nh và anh B đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị Nh được ly hôn với anh B.

Đối với quyền nuôi con chung: Tại thời điểm xét xử vụ án 02 (hai) cháu Dương Quỳnh A (nữ) sinh ngày 29/10/2009 và Dương Mẫn Ngh (nữ) sinh ngày 07/7/2016 hiện đang sống với mẹ, như vậy chị Nh đã thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền của cha mẹ quy định tại Điều 69 của Luật hôn nhân và gia đình. Về phía anh B, hiện nay anh B đang chấp hành hình phạt tù tại Phân trại 2, Trại cải tạo B, Phường 2, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh; do đó, anh B không đủ điều kiện để chăm sóc con. Mặc khác, cháu Dương Mẫn Ngh (nữ) sinh ngày 07/7/2016 có nguyện vọng muốn sống với mẹ và cháu Dương Quỳnh A (nữ) sinh ngày 29/10/2009 bị khuyết tật, không tự chăm sóc được cho bản thân. Đồng thời, chị Nh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 (hai) con chung nên căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cho chị Nh được tiếp tục nuôi dưỡng 02 (hai) cháu Dương Quỳnh A (nữ) sinh ngày 29/10/2009 và Dương Mẫn Ngh (nữ) sinh ngày 07/7/2016 cho đến khi 02 (hai) cháu thành niên, lao động tự nuôi sống được bản thân. Ghi nhận ý kiến tự nguyện của chị Nh về việc không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn và bị đơn khẳng định tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Nh phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm a và khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Mỹ Nh được ly hôn với anh Dương B .

2. Về quyền nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Mỹ Nh được tiếp tục nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là cháu cháu Dương Quỳnh A (nữ) sinh ngày 29/10/2009 và Dương Mẫn Ngh (nữ) sinh ngày 07/7/2016 cho đến khi 02 (hai) cháu thành niên, lao động tự nuôi sống được bản thân. Ghi nhận ý kiến tự nguyện của chị Nh về việc không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời gian chị Nguyễn Thị Mỹ Nh nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu A và cháu Ngh , chị Nh có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; anh B có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Các đương sự thực hiện quyền này theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn khẳng định tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ Nh phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003056 ngày 11/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, chị Nh đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Chị Nguyễn Thị Mỹ Nh và anh Dương B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhân:

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- UBND Phường H, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VÕ THỊ HIẾU